

PHỤ LỤC:
PHÂN CÔNG CÁC PHÒNG THUỘC SỞ THỰC HIỆN KHẮC PHỤC
CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN BỊ GIÁM TRỪ ĐIỂM

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	6,50	6,50	6,00		
1.1	Thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm	0,75	0,75	0,50	Còn nhiệm vụ chưa hoàn thành	Còn tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm nên KH CCHC năm bị trừ điểm: Các phòng theo lĩnh vực phụ trách tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo hoàn thành đúng kế hoạch
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	0,50	0,50	0,25		
1.2.1	-- Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung theo quy định	0,25	0,25	0,25		
1.2.2	- Gửi báo cáo về Sở Nội vụ đúng thời gian quy định	0,25	0,25	0,00	Báo cáo quý III đơn vị gửi chậm 01 ngày so với quy định	VP Sở theo dõi chặt chẽ thời gian báo cáo để thực hiện đúng quy định
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2,00	2,00	2,00		
1.3.1	-- Tỷ lệ số phòng và đơn vị trực thuộc Sở được kiểm tra trong năm	1,00	1,00	1,00		
1.3.2	-- Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1,00	1,00	1,00		
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	2,25	2,25	2,25		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
1.4.1	-- Gắn CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	0,50	0,50	0,50		
1.4.1.1	---- Gắn kết quả thực hiện công tác CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	0,25	0,25	0,25		
1.4.1.2	---- Phát động phong trào thi đua đẩy mạnh CCHC	0,25	0,25	0,25		
1.4.2	-- Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC	1,25	1,25	1,25		
1.4.2.1	---- Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở, đơn vị	0,25	0,25	0,25		
1.4.2.2	---- Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp sở ngành	0,50	0,50	0,50		
1.4.2.3	---- Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp Bộ, cấp tỉnh	0,50	0,50	0,50		
1.4.3	-- Công tác tuyên truyền CCHC	0,50	0,50	0,50		
1.4.3.1	---- Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (Viết tin bài về CCHC trên trang TTĐT,..)	0,25	0,25	0,25		
1.4.3.2	---- Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác (tọa đàm, hội thi tìm hiểu về CCHC,...)	0,25	0,25	0,25		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
1.5	Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong năm	1,00	1,00	1,00		
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	6,75	6,75	6,50		
2.1	Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)	1,50	1,50	1,50		
2.1.1	-- Triển khai rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL	0,50	0,50	0,50		
2.1.2	-- Tham mưu xử lý văn bản QPPL sau rà soát	1,00	1,00	1,00		
2.2	Tham mưu ban hành văn bản QPPL, ban hành văn bản hành chính	2,00	2,00	1,75		
2.2.1	-- Tham mưu ban hành văn bản QPPL	1,00	1,00	1,00		
2.2.2	- Ban hành văn bản hành chính	1,00	1,00	0,75	Sai thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Công văn 1868/SGDDĐT-TCCB ngày 24/11/2022	Các phòng thuộc Sở kiểm soát chặt chẽ nội dung, thể thức trình bày văn bản trước khi trình lãnh đạo ký ban hành, VT chịu trách nhiệm kiểm soát cuối cùng trước khi phát hành văn bản
2.3	Theo dõi thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực phụ trách	1,50	1,50	1,50		
2.3.1	-- Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm	0,25	0,25	0,25		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
2.3.2	-- Triển khai các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật theo quy định của pháp luật (kiểm tra, điều tra, khảo sát, thu thập thông tin...)	0,25	0,25	0,25		
2.3.3	-- Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý sau theo dõi thi hành pháp luật	1,00	1,00	1,00		
2.4	Phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan	1,75	1,75	1,75		
2.4.1	-- Ban hành và thực hiện các chương trình, kế hoạch PBGDPL trong lĩnh vực phụ trách	0,75	0,75	0,75		
2.4.1.1	<i>---- Ban hành theo thẩm quyền các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác PBGDPL trong lĩnh vực phụ trách</i>	0,25	0,25	0,25		
2.4.1.2	<i>---- Tổ chức thực hiện các chương trình kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác PBGDPL trong lĩnh vực phụ trách, tiêu chí chấm điểm</i>	0,50	0,50	0,50		
2.4.2	-- Triển khai các hoạt động PBGDPL	1,00	1,00	1,00		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
2.4.2.1	---- Thực hiện trách nhiệm đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử theo quy định tại Điều 13 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.	0,50	0,50	0,50		
2.4.2.2	---- Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức người lao động thuộc phạm vi quản lý	0,25	0,25	0,25		
2.4.2.3	---- Tổ chức truyền thông, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý bằng một trong các hình thức quy định tại Điều 11 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật	0,25	0,25	0,25		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	16,75	16,75	15,00		
3.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)	1,25	1,25	0,50		
3.1.1	-- Thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	0,50	0,50	0,50		
3.1.2	-- Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát, đánh giá TTHC	0,75	0,75	0,00	Không có TTHC kiến nghị đơn giản hoá	Sở không thuộc diện rà soát, đơn giản hoá TTHC. Đề nghị các phòng thuộc Sở có TTHC liên quan rà soát, đề xuất đơn giản hoá TTHC

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
3.2	Báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC	0,50	0,50	0,50		
3.3	Công bố TTHC	1,00	1,00	1,00		
3.3.1	-- Tham mưu đúng quy định	0,50	0,50	0,50		
3.3.2	-- Tham mưu kịp thời theo yêu cầu, đủ số lượng	0,50	0,50	0,50		
3.4	Công khai thủ tục hành chính	2,00	2,00	1,00		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
3.4.1	- Công khai đầy đủ, chính xác TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên cổng thông tin điện tử của cơ quan	1,00	1,00	0,00	Theo kết quả kiểm tra trực tiếp của Bộ Nội vụ ngày 5/4/2022: website của Sở Giáo dục đào tạo công khai chưa đầy đủ, chưa kịp thời; vẫn công khai các quy định TTHC hết hiệu lực, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện: Ví dụ một số TTHC thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo (thi, tuyển sinh): các TTHC “Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông”; “Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông”,... vẫn dẫn chiếu đến các căn cứ pháp lý hết hiệu lực từ 2020 (TT 04/2017; TT 04/2018 đã hết hiệu lực toàn bộ, bị thay thế bởi Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).	Phòng GDCT&CTHSSV phối hợp với các phòng có TTHC liên quan và VP Sở rà soát để thực hiện công khai trên Cổng TTĐT của Sở kịp thời, đúng quy định
3.4.2	-- Công khai đầy đủ, chính xác TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên trang dichvucong.namdinh.gov.vn	1,00	1,00	1,00		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1,50	1,50	1,50		
3.5.1	-- Xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1,00	1,00	1,00		
3.5.2	-- Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền	0,50	0,50	0,50		
3.6	Giải quyết TTHC	4,00	4,00	4,00		
3.6.1	-- Thực hiện đúng quy trình giải quyết TTHC	1,00	1,00	1,00		
3.6.2	-- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trước hạn, đúng hạn, quá hạn	2,00	2,00	2,00		
3.6.3	-- Hồ sơ TTHC bị trả lại vì phải bổ sung, hoàn thiện sau khi đã tiếp nhận.	0,50	0,50	0,50		
3.6.4	-- Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn	0,50	0,50	0,50		
3.7	Một cửa điện tử	5,50	5,50	5,50		
3.7.1	-- Quy trình nội bộ giải quyết TTHC của đơn vị được UBND tỉnh phê duyệt được áp dụng trên phần mềm một cửa điện tử.	0,50	0,50	0,50		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
3.7.2	-- Áp dụng hệ thống một cửa điện tử để giải quyết TTHC	1,00	1,00	1,00		
3.7.3	-- Đăng tải trạng thái giải quyết hồ sơ TTHC đúng quy định	1,00	1,00	1,00		
3.7.4	-- Một cửa điện tử liên thông	1,00	1,00	1,00		
3.7.5	-- Số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan trong năm đánh giá	2,00	2,00	2,00		
3.8	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích (BCCI)	0,50	0,50	0,50		
3.8.1	-- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0,25	0,25	0,25		
3.8.2	-- Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	0,25	0,25	0,25		
3.9	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC	0,50	0,50	0,50		
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	7,00	7,00	5,50		
4.1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị	2,50	2,50	2,00		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
4.1.1	-- Tham mưu ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan; đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) thuộc cơ quan và ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn và tương đương thuộc cơ quan	1,00	1,00	0,50		Phòng TCCB chủ trì tham mưu với Lãnh đạo Sở triển khai thực hiện
4.1.1.1	<i>- Tham mưu ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan; ĐVSNCL thuộc cơ quan</i>	0,50	0,50	0,00	<i>Thiếu tài liệu kiểm chứng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định</i>	Phòng TCCB chủ trì tham mưu với Lãnh đạo Sở triển khai thực hiện
4.1.1.2	<i>---- Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn và tương đương thuộc cơ quan</i>	0,50	0,50	0,50		
4.1.2	-- Thực hiện sắp xếp các tổ chức bên trong thuộc sở, ban, ngành	0,50	0,50	0,50		
4.1.3	-- Thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành (Áp dụng đối với cơ quan có ĐVSNCL)	0,50	0,50	0,50		
4.1.4	-- Đảm bảo số lượng lãnh đạo cấp phó của phòng ban thuộc sở theo quy định của pháp luật	0,50	0,50	0,50		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
4.2	Thực hiện phân bổ biên chế cho các tổ chức bên trong trực thuộc	0,50	0,50	0,50		
4.2.1	-- Có văn bản phân bổ biên chế hàng năm	0,25	0,25	0,25		
4.2.2	-- Phân bổ biên chế hành chính cho các phòng, ban, chi cục và tương đương đảm bảo theo quy định	0,25	0,25	0,25		
4.3	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1,00	1,00	1,00		
4.4	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các ĐVSNCL thuộc Sở (Áp dụng với cơ quan có ĐVSNCL)	1,50	1,50	1,00		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
4.4.1	-- Số lượng lãnh đạo cấp phó của ĐVSNCL đảm bảo theo quy định của pháp luật	0,50	0,50	0,00	Theo quy định của Nghị định 120/2020/NĐ-CP, số lượng cấp phó của ĐVSNCL thuộc Sở không quá 2. Năm 2022, Sở Giáo dục Đào tạo còn một số đơn vị vượt số lượng cấp phó theo quy định của Nghị định 120/2020/NĐ-CP như: THPT Tống Văn Trân, Phạm Văn Nghị, Mỹ Tho, A Nghĩa Hưng, B Nghĩa Hưng, Nam Trực, Trực Ninh, Trực Ninh B, A Hải Hậu, C Hải Hậu, B Xuân Trường, Xuân Trường, Giao Thủy C	Phòng TCCB chủ trì tham mưu với Lãnh đạo Sở triển khai thực hiện
4.4.2	-- Số lượng người làm việc trong ĐVSNCL, phòng thuộc ĐVSN đảm bảo theo quy định của pháp luật	0,50	0,50	0,50		
4.4.3	-- Số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc trong ĐVSNCL thuộc sở không vượt quá số lượng người làm việc được giao.	0,50	0,50	0,50		
4.5	Thực hiện phân cấp quản lý nhà nước	1,50	1,50	1,00		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
4.5.1	-- Tham mưu ban hành Quyết định quy định phân cấp theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực.	0,50	0,50	0,00	Tiêu chí không đánh giá. Đề nghị trừ mẫu.	Đã trừ mẫu tổng số điểm 74,5/75đ
4.5.2	-- Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước đối với CC, VC	1,00	1,00	1,00		
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	11,50	11,50	10,92		
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	4,00	4,00	3,92		Phòng TCCB chủ trì tham mưu với Lãnh đạo Sở triển khai thực hiện
5.1.1	-- Tham mưu điều chỉnh, cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm	1,00	1,00	1,00		
5.1.2	-- Tỷ lệ các phòng, ban của đơn vị thực hiện đúng việc bố trí công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1,00	1,00	1,00		
5.1.3	-- Tỷ lệ ĐVSNCL thuộc Sở đã được phê duyệt, điều chỉnh đề án vị trí việc làm (Áp dụng với cơ quan có ĐVSNCL)	1,00	1,00	0,92	Sở GDĐT còn 04 đơn vị chưa được phê duyệt VTVL	Phòng TCCB chủ trì tham mưu với Lãnh đạo Sở triển khai thực hiện
5.1.4	-- Tỷ lệ ĐVSNCL bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt (Áp dụng với cơ quan có ĐVSNCL)	1,00	1,00	1,00		
5.2	Tuyển dụng viên chức	1,00	1,00	1,00		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
5.2.1	-- Tuyển dụng viên chức theo đúng quy định (áp dụng đối với cơ quan có ĐVSNCL)	0,50	0,50	0,50		
5.2.2	-- Bố trí viên chức đã được tuyển dụng, tiếp nhận theo vị trí việc làm	0,50	0,50	0,50		
5.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1,00	1,00	1,00		
5.3.1	-- Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	0,75	0,75	0,75		
5.3.2	-- Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch	0,25	0,25	0,25		
5.4	Thực hiện quy định về đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức	2,00	2,00	2,00		
5.4.1	-- Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại công chức, viên chức của đơn vị	1,00	1,00	1,00		
5.4.2	-- Kết quả đánh giá công chức, viên chức của đơn vị	1,00	1,00	1,00		
5.4.2.1	---- <i>Kết quả đánh giá công chức của đơn vị</i>	0,50	0,50	0,50		
5.4.2.2	---- <i>Kết quả đánh giá viên chức của đơn vị</i>	0,50	0,50	0,50		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
5.5	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc	1,00	1,00	0,50		
5.5.1	-- Không có công chức bị kỷ luật ở mức khiển trách trở lên	0,50	0,50	0,50		
5.5.2	-- Không có viên chức bị kỷ luật ở mức khiển trách trở lên	0,50	0,50	0,00	Sở có 5 viên chức thuộc Sở bị xử lý kỷ luật khiển trách	Phòng TCCB phối hợp với các phòng thuộc Sở liên quan tham mưu với Lãnh đạo Sở tiếp tục quán triệt các VB liên quan đến kỷ luật, kỷ cương hành chính của CC,VC
5.6	Thực hiện quy định về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo từ cấp phòng	1,50	1,50	1,50		
5.7	Thực hiện quy định về chuyển đổi vị trí công tác theo Luật Phòng, chống tham nhũng	1,00	1,00	1,00		
5.7.1	-- Ban hành Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác	0,25	0,25	0,25		
5.7.2	-- Công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác	0,25	0,25	0,25		
5.7.3	-- Kết quả thực hiện kế hoạch	0,50	0,50	0,50		
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	7,50	7,25	6,25		
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	2,00	2,00	2,00		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
6.1.1	-- Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)	1,00	1,00	1,00		
6.1.2	-- Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1,00	1,00	1,00		
6.2	Thực hiện công khai ngân sách theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC	1,50	1,50	1,50		
6.2.1	-- Công khai Dự toán thu - chi ngân sách NN năm 2022	0,50	0,50	0,50		
6.2.2	-- Công khai tình hình thực hiện Dự toán quý, 6 tháng, cả năm 2022	0,50	0,50	0,50		
6.2.3	-- Công khai Quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021	0,50	0,50	0,50		
6.3	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2,00	2,00	2,00		
6.3.1	-- Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	1,00	1,00	1,00		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
6.3.2	-- Thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công hàng năm theo quy định Điều 130, 131 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	0,50	0,50	0,50		
6.3.3	-- Thực hiện kiểm tra quản lý tài sản công	0,50	0,50	0,50		
6.4	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các ĐVSNCL thuộc Sở (Áp dụng với cơ quan có ĐVSNCL)	2,00	2,00	0,75		
6.4.1	-- Có thêm ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	0,25	0,25	0,00	Không có ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	Phòng KHTC tham mưu với Lãnh đạo Sở triển khai thực hiện theo chỉ đạo của tỉnh
6.4.2	-- Có thêm ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0,25	0,25	0,25		
6.4.3	-- Thực hiện quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các ĐV SNCL	0,50	0,50	0,50		
6.4.4	-- Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho ĐVSNCL so với năm 2021	1,00	1,00	0,00	Không đạt tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho ĐVSNCL được 0 điểm	Phòng KHTC tham mưu với Lãnh đạo Sở triển khai thực hiện theo chỉ đạo của tỉnh
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	13,00	12,90	11,21		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
7.1	Kế hoạch phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng	0,75	0,75	0,75		
7.1.1	-- Ban hành kế hoạch phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng	0,25	0,25	0,25		
7.1.2	-- Thực hiện kế hoạch phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng	0,50	0,50	0,50		
7.2	Dịch vụ công trực tuyến	6,25	6,25	5,96		
7.2.1	-- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	1,00	1,00	1,00		
7.2.2	-- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	3,00	3,00	3,00		
7.2.3	-- Thanh toán trực tuyến	1,00	1,00	1,00		
7.2.4	-- Trả kết quả điện tử	1,00	1,00	0,96	47/195 = 24.1% Kết quả TTHC thuộc phạm vi đánh giá được ký số, trả kết quả điện tử. 0.96đ	Công chức làm việc tại bộ phận Một cửa và các phòng có TTHC phát sinh
7.2.5	-- Thực hiện sử dụng mã định danh điện tử	0,25	0,25	0,00	Trước 31/10/2022 Hệ thống Định danh điện tử của BCA hiện chưa kết nối liên thông với cổng DVC của tỉnh nên chưa thể phát sinh hồ sơ TTHC theo hình thức này.	Phòng GDCT&CTHSSV chủ trì, phối hợp các phòng thuộc Sở, các đơn vị liên quan tham mưu với lãnh đạo Sở triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, thời gian quy định
7.3	Triển khai các ứng dụng, dịch vụ trong các cơ quan nhà nước	4,00	3,90	2,50		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
7.3.1	-- Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử	1,00	0,90	0,90		
7.3.2	-- Lập hồ sơ điện tử và giao nộp hồ sơ điện tử vào lưu trữ cơ quan	1,25	1,25	1,10		
7.3.2.1	---- Ban hành danh mục hồ sơ theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị	0,25	0,25	0,25		
7.3.2.2	---- Cập nhật danh mục hồ sơ lên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành	0,25	0,25	0,25		
7.3.2.3	---- Lập hồ sơ điện tử	0,50	0,50	0,35	03/10 Phòng thuộc sở không lập hồ sơ điện tử (Phòng GDTH; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng GDMN)	Các phòng GDTH, KHTC, GDMN phối hợp với VP Sở chỉ đạo CC của phòng thực hiện đảm bảo đúng quy định
7.3.2.4	---- Nộp hồ sơ điện tử vào Lưu trữ cơ quan	0,25	0,25	0,25		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
7.3.3	-- Xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	0,75	0,75	0,00	Tổng số văn bản đi từ 01/01/2022 đến 21/10/2022 theo báo cáo của đơn vị tại văn bản số 1714/SGDDĐT-VP ngày 27/10/2022 là: 4010 văn bản. Tổng số văn bản đi trên phần mềm quản lý văn bản từ 01/01/2022 đến 21/10/2022 theo báo cáo trích xuất của VNPT là 2000 văn bản. Tỷ lệ văn bản đi xử lý trên môi trường mạng của đơn vị là $2.000/4.010 = 49,87\%$ chưa đáp ứng theo yêu cầu.	Các phòng thuộc Sở phối hợp với Văn phòng triển khai thực hiện xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đảm bảo đúng quy định.
7.3.4	-- Ứng dụng chữ ký số	0,50	0,50	0,00	Tổng số văn bản đi từ 01/01/2022 đến 21/10/2022 theo báo cáo của đơn vị tại văn bản số 1714/SGDDĐT-VP ngày 27/10/2022 là: 4010 văn bản. Tổng số văn bản đi trên phần mềm quản lý văn bản từ 01/01/2022 đến 21/10/2022 theo báo cáo trích xuất của VNPT là 2000 văn bản. Tỷ lệ văn bản đi ký số của đơn vị là $2.000/4.010 = 49,87\%$ chưa đáp ứng theo yêu cầu.	Các phòng thuộc Sở phối hợp với Văn phòng triển khai ứng dụng chữ ký số đảm bảo đúng quy định.

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
7.3.5	-- Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	0,50	0,50	0,50		
7.3.5.1	---- Ứng dụng hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	0,25	0,25	0,25		
7.3.5.2	---- Cập nhật số liệu trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	0,25	0,25	0,25		
7.4	Cổng/Trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành	2,00	2,00	2,00		
7.4.1	-- Cung cấp đầy đủ các nội dung, thông tin theo quy định tại Luật Tiếp cận thông tin Nghị định 42/2011/NĐ-CP	0,50	0,50	0,50		
7.4.2	-- Áp dụng các giải pháp an toàn thông tin cho website	0,50	0,50	0,50		
7.4.3	-- Thường xuyên đăng tải tin bài trong lĩnh vực Sở, ban, ngành phụ trách	0,50	0,50	0,50		
7.4.4	-- Cập nhật đầy đủ, kịp thời văn bản quy phạm pháp luật, văn bản liên quan đến ngành, lĩnh vực sở, ban, ngành	0,50	0,50	0,50		
8	ĐO LƯỜNG SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN VÀ TỔ CHỨC	5,00	0,00	2,60		

STT	Lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm	Phân công các phòng thực hiện khắc phục các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị giảm trừ điểm
			Tự đánh giá	Thẩm định		
8.1	Kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công quốc gia	5,00	5,00	0,00		Công chức làm việc tại bộ phận Một cửa, các phòng thuộc Sở có TTHC phát sinh và VP Sở thực hiện
9	SO SÁNH KẾT QUẢ TỰ CHẤM ĐIỂM VỚI KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH	1,00	0,00	0,25		Các phòng thuộc Sở, phối hợp với VP đảm đánh giá các tiêu chí, tiêu chí thành phần sát, đúng
9.1	So sánh kết quả tự chấm điểm với kết quả thẩm định	1,00	0,00	0,00		
	Tổng điểm	75,00	68,65	64,23		